



wén bǐ

文笔

noun · writing style; literary skill

Example Sentences

Tā de wén bǐ hěn liú chàng

他的文笔很流畅。

His writing style is very fluent.

Zhè wèi zuò jiā de wén bǐ xì nì shēn shòu dú zhě xǐ ài

这位作家的文笔细腻，深受读者喜爱。

This writer's style is delicate and deeply loved by readers.

Trace each character, then write the word on your own.

文	文	文	文	文	文	文								
笔	笔	笔	笔	笔	笔	笔	笔	笔	笔	笔	笔			
笔	笔													